

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2024/DS-PT;
Ngày: 05/8/2024;
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương;
- Ông Lê Văn Phận;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2490/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị L, sinh năm 1967;
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971;
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966;
Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Nguyễn Thị Huyền T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Thị L trình bày:

Bà Tạ Thị L có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Huyền T làm chủ hụi, sau khi kết thúc việc chơi hụi thì bà T còn nợ bà L số tiền hụi đã đóng là 116.430.000 đồng. Ngoài ra, bà L có cho bà T vay tiền, hiện tại bà T còn nợ bà L số tiền vay là 317.470.000 đồng. Vì vậy, bà L yêu cầu bà T và ông Phan Văn Đ (chồng bà T) phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 116.430.000 đồng và tiền vay là 317.470.000 đồng, tổng số tiền là 433.900.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T, bà T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày:

Bà T và ông Đ đồng ý liên đới trả lại cho bà L số tiền hụi là 116.430.000 đồng và tiền vay là 317.470.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã quyết định (tóm tắt):

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền là 73.100.000 đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Tạ Thị L số tiền hụi là 116.430.000 đồng và tiền vay là 317.470.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/6/2024, bị đơn bà T kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, bà yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa, bị đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét cho bà được trả dần số tiền 433.900.000 đồng với điều kiện mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ y bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Khi khởi kiện, bà L yêu cầu bà T và ông Đ liên đới trả lại cho bà số tiền là 507.000.000 đồng, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bà L chỉ yêu cầu trả số tiền là 433.900.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện (số tiền là 73.100.000 đồng) của bà L là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của bà L là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bà L yêu cầu bị đơn bà T và ông Đ phải liên đới trả lại số tiền nợ hui là 116.430.000 đồng và tiền nợ vay là 317.470.000 đồng. Bà T đồng ý cùng ông Đ liên đới hoàn trả số tiền nêu trên theo yêu cầu của bà L nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Do đó, việc bà T, ông Đ còn nợ bà L số tiền 433.900.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Bà T yêu cầu xin trả dần nhưng không được bà L chấp nhận. Xét thấy bà T là chủ hui nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên khi thiết lập giao dịch về hui và theo quy định của pháp luật, khi kết thúc việc chơi hui không hoàn trả tiền bà L đã đóng hui, đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho bà L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nên buộc bà T phải hoàn trả số tiền hui và tiền vay còn nợ cho bà L là có căn cứ.

[2.4] Đối với ông Đ là chồng của bà T và có ý kiến đồng ý cùng bà T liên đới trả nợ. Do đó căn cứ vào các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự, các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 18, 23, 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày

19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ buộc bà T và ông Đ phải liên đới hoàn trả cho bà L số tiền hụi là 116.430.000 đồng và tiền vay là 317.470.000 đồng là phù hợp.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T tiếp tục yêu cầu được trả dần số tiền 433.900.000 đồng với điều kiện mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà L không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về việc duy trì hoặc chấm dứt hiệu lực của Biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng: Hội đồng xét xử xét thấy, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do không có căn cứ để thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời nên việc hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 466, 470, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 18, Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường. Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L về việc yêu cầu

bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền là 73.100.000 đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Tạ Thị L số tiền hụi là 116.430.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) và tiền vay là 317.470.000 đồng (*Ba trăm mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Phan Văn Đ phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 21.356.000 đồng (*Hai mươi một triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho bà Tạ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.140.000 đồng (*Mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001444, ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[4]. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 02/2024/QĐ-BPKCTT, ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 2094,6 m² tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Huyền T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000929 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Chợ Lách;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng